

Bản án số: 101/2021/HS-ST
Ngày 24-8-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mã Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đàm Văn Hữu.

Bà Hoàng Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Phong, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Mã Thị Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 96/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 670/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vi Văn A**, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1994 tại xã D, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm L, xã D, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hoá: lớp 8/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn E, sinh năm 1964 và bà Sầm Thị B, sinh năm 1964; có vợ là Sầm Thị H, sinh năm 1997 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20-4-2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Họ và tên: **Sầm Văn B**, sinh ngày 30 tháng 4 năm 1995 tại xã D, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm G, xã D, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: lớp 9/12 phổ thông; dân tộc: Nùng;

giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sầm Văn K, sinh năm 1965 và bà Dương Thị D, sinh năm 1968; có vợ là Hoàng Thị T, sinh năm 1995 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20-4-2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

3. Họ và tên: **Vi Văn C**, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1990 tại xã D, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm L, xã D, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: lớp 6/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn E, sinh năm 1964 và bà Sầm Thị B, sinh năm 1964; có vợ là Hoàng Thị S, sinh năm 1991 và 03 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20-4-2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Bà Hà Thị H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho cả 03 bị cáo Vi Văn A, Sầm Văn B, Vi Văn C; có mặt.

2. Bà Hoàng Thị L, luật sư của Văn phòng luật sư H - L, Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo Sầm Văn B theo yêu cầu của gia đình bị cáo; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Hoàng Thị S, sinh năm 1991, nơi cư trú: Xóm L, xã D, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Trần Thị T, sinh năm 1971, trú tại: xã H, huyện Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

2. Trần Văn T, sinh năm 1995, trú tại: xã H, huyện Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 55 phút ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại xóm L, xã D, huyện Q, tỉnh Cao Bằng, Đoàn Biên phòng C thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng bắt quả tang Vi Văn C đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 11H1-167.xx chở Trần Thị T (T1), sinh năm 1971 và Trần Văn T (T2), sinh năm 1995, cùng trú tại xã H, huyện Y, tỉnh Yên Bái đi từ xóm L, xã D, huyện Q, tỉnh Cao

Bằng đến NG, xã ND, huyện Q, tỉnh Cao Bằng, C khai nhận được Vi Văn A và Sầm Văn B thuê chở người nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam và được A trả tiền công 500.000 đồng. Ngày 20-4-2021, Đoàn Biên phòng C đã ra Quyết định khởi tố vụ án và chuyển hồ sơ đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng để điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Khoảng 15 giờ ngày 19-4-2021, Vi Văn A được một người đàn ông Trung Quốc tên Hón, không rõ họ, địa chỉ gọi qua mạng xã hội Wechat nói khoảng 16 giờ cùng ngày nhờ A đón 02 công dân Việt Nam nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc về Việt Nam tại khu vực Mốc 717 thuộc xã D, huyện Q, tỉnh Cao Bằng với tiền công là 5.000.000 đồng, A đồng ý và gọi điện thoại cho Sầm Văn B đến Mốc 717 đón người giúp A và hứa sẽ trả cho B 1.500.000 đồng. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, B đi bộ theo đường núi đến Mốc 717 thì gặp Trần Thị T và Trần Văn T đang chờ, B dẫn 02 người đi theo đường mòn đến xóm LR (còn gọi là LT) qua sau lán chống dịch Covid 19 của xóm G để tránh lực lượng chức năng kiểm tra, khi đến nơi B bảo T1 và T2 ngồi chờ sẽ có người đến đón vì B còn bận đi dự “lễ đầy tháng” trong xóm. Sau đó, B gọi điện thoại báo cho A biết, A sang nhà anh trai ruột là Vi Văn C bảo C đi đón người tại khu vực Lũng Ráy và đưa đến ngã ba NG, xã ND, huyện Q, A đưa cho C 500.000 đồng tiền công đón người, A cũng gọi cho B thông báo C đi đón người và gửi tài khoản Wechat của C cho B để hai người liên lạc tìm vị trí các công dân đang đợi. Khi liên lạc, B bảo với C đi đến nơi thì dùng tín hiệu huýt sáo và soi đèn điện thoại thì sẽ có người từ nơi ẩn nấp ra gặp. Khi C điều khiển xe máy biển kiểm soát 11H1- 167.xx đi đến nơi đón người, C dùng tín hiệu để gọi thì T1 và T2 từ bụi rậm đi ra, C hỏi “từ đâu đến” thì được hai người trả lời “vừa nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc về”. Sau đó, C chở 02 công dân đến xóm L, xã D, huyện Q, tỉnh Cao Bằng thì bị lực lượng biên phòng phát hiện bắt quả tang. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, A đến nhà B đưa 1.500.000 đồng tiền công cho B, sau đó A về nhà xóa Wechat vừa liên lạc để đón người nhập cảnh trái phép và vứt sim điện thoại để tránh bị phát hiện.

Tại phiên tòa, các bị cáo Vi Văn A, Sầm Văn B, Vi Văn C đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hoàng Thị S khai: Chiếc xe máy Honda Blade biển kiểm soát 11H1-167.xx là tài sản chung của vợ chồng mua sau khi kết hôn, việc C dùng xe đi chở người nhập cảnh trái phép chị S không biết, chị S đề nghị trả lại chiếc xe cho gia đình.

Ngày 28-7-2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 98/CTr-VKSCB(P1) truy tố Vi Văn A, Sầm Văn B, Vi Văn C về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Vi Văn A, Sầm Văn B, Vi Văn C về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Vi Văn A, Sầm Văn B, Vi Văn C về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vi Văn A, Sầm Văn B, Vi Văn C phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Vi Văn A từ 30 - 36 tháng tù; Sầm Văn B từ 24 - 30 tháng tù; Vi Văn C từ 12 - 18 tháng tù.

Truy thu tiền do phạm tội mà có đối với bị cáo Sầm Văn B là 1.500.000 đồng; bị cáo Vi Văn C là 500.000 đồng.

Tịch thu phát mại 03 điện thoại của 03 bị cáo dùng vào việc liên lạc thực hiện tội phạm.

Tịch thu phát mại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11H1-167.xx là phương tiện thực hiện tội phạm.

Trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11H1-167.xx cho bà Hoàng Thị S là vợ của bị cáo Vi Văn C.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bà Hà Thị H bào chữa cho bị cáo Vi Văn A, Sầm Văn B, Vi Văn C: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Trước khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các yếu tố sau:

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đề nghị cho

các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Về nhân thân, hoàn cảnh phạm tội: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đã vì lợi ích trước mắt mà có hành vi trái pháp luật.

+ Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo A là người trực tiếp liên lạc, trao đổi với người Trung Quốc về việc đón người và tiền công, bị cáo B và C là người giúp sức cho bị cáo A với vai trò đồng phạm không đáng kể.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo C để giảm hình phạt cho bị cáo. Mức hình phạt Viện kiểm sát đề xuất đối với các bị cáo quá nghiêm khắc, đề nghị xử phạt các bị cáo ở mức thấp hơn. Các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Luật sư Hoàng Thị L bào chữa cho bị cáo Sầm Văn B: Đồng tình với luận cứ bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, bị cáo B chỉ thực hiện tội phạm theo lời của bị cáo A, không được liên lạc, móc nối với người Trung Quốc để đưa người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, bị cáo sinh sống ở khu vực biên giới, nhận thức về pháp luật còn hạn chế, phạm tội do hám lời, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo Vi Văn A, Sầm Văn B, Vi Văn C không có lời bào chữa bổ sung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Vi Văn A và Vi Văn C đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt, bị cáo Sầm Văn B không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, các bị cáo Vi Văn A, Sầm Văn B, Vi Văn C và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của bị cáo Vi Văn A, Sầm Văn B, Vi Văn C hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 23 giờ 55 phút ngày 19-4-2021 của Đoàn Biên phòng C, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản hỏi cung có sự tham gia của Kiểm sát viên, của người bào chữa về quá trình thực hiện hành vi phạm tội; biên bản mở niêm phong, trích xuất dữ liệu điện tử từ điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của Vi Văn C và phù hợp với lời khai của những người làm chứng Trần Thị T, Trần Văn T cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ kết luận: Ngày 19-4-2021, Vi Văn A được một người đàn ông Trung Quốc gọi qua mạng xã hội Wechat thuê đi đón 02 người nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam tại khu vực Mốc 717 và đưa đến NG, xã NĐ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng với tiền công 5.000.000 đồng, A gọi điện thoại bảo Sầm Văn B đi đón người tại Mốc 717 đưa đến LR, xã D với tiền công 1.500.000 đồng, sau đó A bảo Vi Văn C đi đón người tại Lũng Ráy đưa đến NG, xã NĐ, huyện Q với tiền công 500.000 đồng. Khi Vi Văn C đang trên đường đưa 02 công dân nhập cảnh trái phép đi đến xóm L, xã D, huyện Q, tỉnh Cao Bằng thì bị lực lượng biên phòng đang làm nhiệm vụ phát hiện bắt quả tang.

Hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam của các bị cáo Vi Văn A, Sầm Văn B, Vi Văn C đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh, xâm phạm an ninh biên giới, tiềm ẩn nguy cơ làm lây lan dịch bệnh và phát sinh các tội phạm khác. Các bị cáo là người sinh sống ở khu vực biên giới, thông thuộc địa hình và các lối mòn đi lại ở địa phương mình sinh sống để tổ chức đưa người khác nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam, tránh các chốt kiểm soát phòng chống dịch bệnh của lực lượng chức năng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ phạm tội là nhằm mục đích vụ lợi từ việc đón người nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam để nhận tiền công. Hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép của các bị cáo Vi Văn A, Sầm Văn B, Vi Văn C đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Trong đó, Vi Văn A là người có vai trò chính, trực tiếp liên lạc, thỏa thuận tiền công với người đàn ông Trung Quốc để tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, thuê Sầm Văn B, Vi Văn C đi đón người và đưa đến NG, xã NĐ, huyện Q, các bị cáo Sầm Văn B, Vi Văn C là người trực tiếp thực hiện tội phạm với vai trò giúp sức. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân

tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo Vi Văn A, Sầm Văn B, Vi Văn C về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Trước khi phạm tội, các bị cáo Vi Văn A, Sầm Văn B, Vi Văn C đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Cả 03 bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Cả 03 bị cáo Vi Văn A, Sầm Văn B, Vi Văn C đều được hưởng có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần giảm một phần hình phạt cho các bị cáo với các mức khác nhau thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, trong đó bị cáo Vi Văn A giữ vai trò chính cần có mức hình phạt nghiêm khắc hơn đồng phạm, bị cáo Vi Văn C tham gia thực hiện tội phạm với vai trò thấp hơn Vi Văn A, Sầm Văn B nên mức hình phạt cũng thấp hơn đồng phạm. Mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo Vi Văn A, Sầm Văn B có phần nghiêm khắc so với số lượng người được đưa nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và khung hình phạt được áp dụng, các bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt thấp hơn đại diện Viện kiểm sát đề xuất.

Người bào chữa đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vi Văn C không có căn cứ chấp nhận, bởi khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo Vi Văn C là khung hình phạt thấp nhất của điều luật, cũng không có căn cứ để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo vì bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”, Hội đồng xét xử thấy bị cáo Sầm Văn B, Vi Văn C được hưởng lợi số tiền không lớn, bị cáo Vi Văn A chưa được hưởng lợi từ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, tất cả các bị cáo đều là có nghề nghiệp là trồng trọt, thu nhập thấp, không ổn định nên không áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng của vụ án gồm 01 xe máy Honda Blade biển kiểm soát 11H1-167.xx là tài sản chung của vợ chồng Vi Văn C, khi C dùng xe để chở người nhập cảnh trái phép vợ C là Hoàng Thị S không biết nên tịch thu $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe nộp ngân sách Nhà nước, còn $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe trả lại cho vợ của C là Hoàng Thị S.

Đối với 03 chiếc điện thoại di động tạm giữ của Vi Văn A, Sầm Văn B, Vi Văn C, cả 03 chiếc điện thoại này đều dùng liên lạc để thực hiện tội phạm nên tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước.

Truy thu tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có của Sầm Văn B là 1.500.000 đồng, 200 nhân dân tệ tương đương khoảng 660.000 đồng tiền Việt Nam (tỷ giá nhân dân tệ ngày 19-4-2021: 01 CNY = 3.346VND), tổng cộng là 2.160.000 đồng; của Vi Văn C là 500.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Về án phí: Các bị cáo Vi Văn A, Sầm Văn B, Vi Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Vi Văn A, Sầm Văn B, Vi Văn C phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với cả 03 bị cáo Vi Văn A, Sầm Văn B, Vi Văn C, xử phạt:

+ Vi Văn A 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam là ngày 20-4-2021.

+ Sầm Văn B 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày các bị cáo bị bắt, tạm giam là ngày 20-4-2021.

+ Vi Văn C 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày các bị cáo bị bắt, tạm giam là ngày 20-4-2021.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 (một) điện thoại di động OPPO màu bạc của Vi Văn C”.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 (một) điện thoại di động VIVO màu xanh của Sầm Văn B”.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 (một) điện thoại di động VIVO màu xanh của Vi Văn A”.

+ ½ giá trị của 01 (một) xe máy đã qua sử dụng nhãn hiệu HONDA BLADE màu trắng đen. Xe không có gương chiếu hậu, phần nhựa của xe đã bị vỡ nát. Xe gắn biển kiểm soát 11H-167.xx. Số máy: JA36E05457xx; Số khung: RLHJA3646GY0706xx.

Qua kiểm tra số khung, số máy thực tế của xe khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 18-5-2021. Có bản cả số khung, số máy và Phiếu trả lời xác minh kèm theo.

- Trả lại cho Hoàng Thị S (vợ của Vi Văn C) ½ giá trị của chiếc xe máy nêu trên.

- Truy thu tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có của Sầm Văn B là 2.160.000 đồng; của Vi Văn C là 500.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số 132 ngày 05 tháng 8 năm 2021.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Vi Văn A, Sầm Văn B, Vi Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo Vi Văn A, Sầm Văn B, Vi Văn C có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hoàng Thị S có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan An ninh điều tra;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh CB;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo, người bào chữa;
- Người liên quan;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Văn Quân